

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|---------------------------------|
| I. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa | | |
| 1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa | Hàng hoá chào thầu có đặc tính và thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng đáp ứng yêu cầu tại Chương V - Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT. | Đạt |
| | Hàng hóa chào thầu có đặc tính và thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng không đáp ứng các yêu cầu tại chương V - Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT. | Không đạt |
| 2. Tính hợp lệ của hàng hóa | Hàng hóa chào thầu mới 100% sản xuất từ năm 2025 trở lại đây. Có đầy đủ tài liệu chứng minh hàng hoá chào thầu phù hợp tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu E-CDNT 10.8 Chương II và Mục 1.2 - Chương V của E-HSMT. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| II. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa | | |
| Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa | Nhà thầu trình bày các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt, chuyên giao công nghệ hàng hóa khoa học và hiệu quả, phù hợp với thời gian đề xuất thực hiện hợp đồng. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên | Không đạt |
| III. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì | | |
| Bảo trì, bảo hành và cung cấp dịch vụ sau bán hàng | - Nhà thầu có cam kết đáp ứng các yêu cầu về bảo hành như sau: 1. Thời gian bảo hành Tối thiểu 05 năm hoặc 150.000 km tùy theo điều kiện nào đến trước. 2. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì: 3. Sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên | Không đạt |
| IV. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường | | |

| | | |
|---|--|------------------|
| Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường | Có cam kết Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý | Đạt |
| | Không cam kết Hàng hóa được cung cấp không thích ứng về địa lý | Không đạt |
| V. Tiến độ cung cấp hàng hóa | | |
| Thời gian giao hàng | ≤ 05 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| VI. Uy tín của nhà thầu (từ 01/01/2022 trở lại đây) | | |
| Lịch sử về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong thời gian tính từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu | Nhà thầu cam kết không có tên trong danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm bị công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và bị xử lý theo quy định của Luật đấu thầu từ 02 lần trở lên với các lỗi sau đây: - Vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng do lỗi của nhà thầu; - Vi phạm về chất lượng của hàng hóa bao gồm sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng và các yếu tố khác có liên quan đến vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng; - Vi phạm hợp đồng dẫn đến chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu. | Đạt |
| | Nhà thầu không có cam kết hoặc có nhưng không cam kết đầy đủ hoặc có tài liệu chứng minh kết quả thực hiện hợp đồng có một trong các vi phạm nêu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chí từ 1 đến 6 được xác định là Đạt | Đạt |
| | Một trong các tiêu chí từ 1 đến 6 được xác định là Không đạt | Không đạt |

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Chọn phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất
Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.